



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2019
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cương CZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép, vicosimet, sang, thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kế ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương, saphire, moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban do KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera va Màn hình	Cai		1999	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quặng	Cai	VN	2004	1	
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phản Lar	2018	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bài thực tập Địa chất Q-ninh	Bài	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lap the phan quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xử thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cat canh hiện trường	Bo	Nauy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS.pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nén ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cắt đất ung bien EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cắt đất ung bien EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén bê tông 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bđct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cat canh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bài thực tập Địa chất TV-CT	Bài	VN	2000	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phụ kiện COD	Bo	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cai	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cai	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cai	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cai	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cai	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform và Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi đo độ đục Xtay	Cai	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kính hiển vi soi nổi MeijiGM5Z	Cai	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kính hiển vi Peuc nổi máy ảnh KTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimadzu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kính hiển vi Olympus	Cai	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kính hiển vi phản cực 2 mat Meiji	Cai	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kính hiển vi phản cực 2 mat Meiji 9200	Cai	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy cưa cắt da	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên tố vi lượng	Cai	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lọc ray và sàng tiêu chuẩn	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mai lát móng-mái lang	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Điều hòa Mitsubishi	Bo	DNA	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cai	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hợp 2,4m	Cai	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban làm việc	Cai	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vệ tinh	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe đem mứt	cai	VN	2003	8	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gập	Cai	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cai	VN	2005	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 cánh	Cai	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút ẩm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On ap Lioa 2 KVA	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ôn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cai	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn họp 2.4m	Cái	VN	2015	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do địa chất Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Địa bàn	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Địa bàn cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Địa bàn địa chất	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gap Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính kỹ thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB định vị cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuốc dây 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuốc đo diện tích	Cai	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ác quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bo ray	B	TQ	1997	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Cần tiêu ly	Cai	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Cần tiêu ly	Cai	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cai	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cai	Balan	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cai	TQ	2007	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cái	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Mau trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On ap Lioa 5KVA	Cai	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuoc đo diện tích	Cai	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cai	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKONF60	Cai	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cai	TQ	2010	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 cánh	Cai	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bàn gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bo gia danh bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bo moto dien	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hop dung mau	Cai	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cuc	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cuc đa quy	Mau	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (tumua)	Cái	Đài Loan	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dung kinh hien vi	Cai	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	
37	BM Địa chất	95M114	Địa bàn 3 chân	Cai	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gap	Cai	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gap			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau đa các loại	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Ảnh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Bản đồ	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Bản đồ 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Bản đồ địa chất 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Bản đồ địa chất Bắc trung bộ	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Bản đồ địa chất Đông bắc	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Bản đồ địa chất Đông dương	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Bản đồ địa chất VN-Đông dương	To	VN	1997	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Bản đồ địa mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Bản đồ giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Bản đồ hình thể Việt nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bản đồ mặt kính chính chịu lực (Cán bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bản đồ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bản đồ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bo ảnh Atlas	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bo ảnh máy bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bo ảnh vệ tinh (246 cái)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bo mau địa chất	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Búa địa chất	Bộ	VN	2012	50	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bàn	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Địa bàn Địa chất	Cái	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cái	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lap the	Cái	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La bàn cơ thước đo diện tích	Cái	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mau địa tầng	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa bàn thí nghiệm Lang son	Cái	VN	1993	1	
38	BM Địa chất công trình	09C260	Bàn họp to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe da TP (C Thang)	Cái	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gập	Cái	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gập	Cái	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tu sat cao 2met (C Thang)	cai	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tu sat dung tai lieu	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tu sat kinh	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tu say 101-2	Cái	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bàn họp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Bàn khung sắt mặt da Granite	Cái	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Bàn nén	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Bàn TN khung sắt mặt da	Cái	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo đệm đo lun	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo lọc nước RO mô hình Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN cơ ngót mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xử giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tong mau	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Cân điện tử 400g	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cái	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khẩu nối neo	Cái	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuôn bê tông đơn	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuôn bê tông kép	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kịch thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lo nung 4-10	Cái	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy đo PH cầm tay	Cái	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cái	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cái	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA,107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ôn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiet bi Casagrancle	Cai	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiet bi day mau	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kĩ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sấy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cai	VN	1999	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cai	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cai	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cai	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cai	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã não	0	rung Qu	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dĩa ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quạt treo tuong SANTAZ	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tu dung mau	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tu go				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tu go cao 2m	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tu go cao 2m	Cai	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Ban do dia chat khoang san VN	Cai	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tu sat dung mau	Cai	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quây gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Bien chi dan	Cai	VN	1994	100	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế da TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghe don go	Cai	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghe gap	Cai	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghe gap	Cai	VN	2009	8	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghe xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kính hiển vi soi nổi M5C-10	Cai	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Mau co sinh	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Mau da va quang	Mau	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Mau dia chat co nhan	Mau	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Mau khoang san	Mau	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Mau khoang san	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Mau khoang san	Mau	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Mau khoang san co sinh	Mau	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Mau khoang san-khoang thạch	Mau	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Mau khoang vat	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Mau khoang vat	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Mau thạch học	Mau	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quạt trần	Cai	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh cơ sinh	Buc	VN	1997	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh vẽ cơ sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cổ sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2020
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cương CZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép, vicosimet, sang, thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kê ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương, saphire, moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban do KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M076	Đèn tia cực tím UV bước sóng kép, loại LW 365m, SW 254m, mã FUV-4	Chiếc	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitsubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera và Màn hình	Cai		1999	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quặng	Cai	VN	2004	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phần Lan	2018	2	
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bai thuc tap Dia chat Q-ninh	Bai	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lap the phan quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xđ thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cat canh hiện trường	Bo	Nauy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS,pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nén ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cắt đất ung bien EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cắt đất ung bien EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén betong 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bđct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cat canh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bai thuc tap Dia chat TV-CT	Bai	VN	2000	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phu kien COD	Bo	Nhat	1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cai	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cai	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cai	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cai	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cai	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform và Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi đo độ đục X-ray	Cai	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kính hiển vi soi nổi MeijiGM5Z	Cai	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kính hiển vi Peuc nổi máy ảnh KTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimadzu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kính hiển vi Olympus	Cai	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kính hiển vi phản cực 2 mắt Meiji	Cai	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kính hiển vi phản cực 2 mắt Meiji9200	Cai	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy cạo da	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên tố vi lượng	Cai	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lọc ray và sang tiêu chuẩn	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mai lát móng-mái lang	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Điều hòa Mitsubishi	Bo	DNA	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cai	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hợp 2,4m	Cai	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban lam việc	Cai	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vệ tinh	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe đem mứt	cai	VN	2003	8	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gáp	Cai	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 cánh	Cai	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tù sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút âm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On ap Lioa 2 KVA	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ổn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tù sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cai	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tù sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn họp 2.4m	Cái	VN	2015	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do địa chất Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Địa bàn	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Địa bàn cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Địa bàn địa chất	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gáp Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính kỹ thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB định vị cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuốc dây 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuốc đo diện tích	Cai	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ắc quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bo ray	B	TQ	1997	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C419	Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng đá FGB-9	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C418	Bút chì đo độ cứng FMH-5 (gồm 5 chiếc)	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Cạn tiêu ly	Cai	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Cạn tiêu ly	Cai	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cai	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cai	Balan	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cai	TQ	2007	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cai	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Mau trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On ap Lioa 5KVA	Cai	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuoc đo diện tích	Cai	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cai	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKONF60	Cai	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cai	TQ	2010	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 cánh	Cai	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bàn gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bộ gia đình bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bộ moto điện	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hộp đựng mau	Cai	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cục	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cục đa quy	Mau	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (túmua)	Cái	Đài Loan	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dung kính hiển vi	Cai	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	
37	BM Địa chất	95M114	Địa bàn 3 chân	Cai	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gáp	Cai	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gáp			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau đa các loại	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Ảnh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Bản đồ	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Bản đồ 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Bản đồ địa chất 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Bản đồ địa chất Bắc trung bộ	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Bản đồ địa chất Đông bắc	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Bản đồ địa chất Đông dương	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Bản đồ địa chất VN-Đông dương	To	VN	1997	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Bản đồ địa mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Bản đồ giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Bản đồ hình thể Việt nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bàn gỗ mặt kính chính chịu lực (Cán bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bàn gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bàn gỗ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bo anh Atlat	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bo anh may bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bo anh ve tinh (246 cai)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bo mau dia chat	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Búa địa chất	Bộ	VN	2012	50	
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bàn	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Địa bàn Địa chất	Cái	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cái	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lập thể	Cái	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La bàn cơ thước đo diện tích	Cái	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mau địa tầng	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa bàn thí nghiệm Lang son	Cái	VN	1993	1	
38	BM Địa chất công trình	09C260	Bàn họp to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe da TP (C Thang)	Cái	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gập	Cái	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gập	Cái	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tủ sắt cao 2m (C Thang)	cai	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tủ sắt kính	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tủ sấy 101-2	Cái	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tủ tài liệu sắt	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bàn họp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Bàn khung sắt mặt da Granite	Cái	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Bàn rèn	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Bàn TN khung sắt mặt da	Cái	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo đệm lò xo	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo lọc nước RO mô hình Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN cơ ngót mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xử giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tông màu	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Cân điện tử 400g	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cái	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khẩu nối neo	Cái	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuôn bê tông đơn	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuôn bê tông kép	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kịch thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lò nung 4-10	Cái	TQ	2009	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy đo PH cam tay	Cai	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cai	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cai	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA,107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ôn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiết bị Casagrancle	Cai	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiết bị day mau	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kĩ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sậy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cai	VN	1999	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cai	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cai	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cai	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cai	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bản làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã nã	0	rung Qu	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C399	Điện cực HI3131B	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C398	Máy đo ORP Model: HI8014	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dia ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quạt treo tuong SANTAZ	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tu dung mau	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tu go				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tu go cao 2m	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tu go cao 2m	Cai	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Bản đồ địa chất khoáng sản VN	Cai	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tu sat dung mau	Cai	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quây gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Bien chi dan	Cai	VN	1994	100	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế da TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghe don go	Cai	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghe gap	Cai	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghe gap	Cai	VN	2009	8	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghe xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kinh hien vi soi noi M5C-10	Cai	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Mau co sinh	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Mau da va quang	Mau	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Mau dia chat co nhan	Mau	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Mau khoang san	Mau	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Mau khoang san	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Mau khoang san	Mau	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Mau khoang san co sinh	Mau	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Mau khoang san-khoang thach	Mau	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Mau khoang vat	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Mau khoang vat	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Mau thach hoc	Mau	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quat tran	Cai	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh co sinh	Buc	VN	1997	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh ve co sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cổ sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2021
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cươngCZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép,vicosimet,sang,thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kê ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương,saphire,moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban do KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M076	Đèn tia cực tím UV bước sóng kép, loại LW 365m, SW 254m, mã FUV-4	Chiếc	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	21M045	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera va Màn hình	Cai		1999	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21M014	Thiết bị phân cực kế model FTP-49	Cái	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quặng	Cai	VN	2004	1	
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phần Lan	2018	2	
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bài thực tập Địa chất Q-ninh	Bài	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lạp thể phản quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xử thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cắt cạnh hiện trường	Bo	Nauy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS.pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nền ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cắt đất ứng biến EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cắt đất ứng biến EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén bê tông 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bđct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cắt cạnh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	21M035	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bài thực tập Địa chất TV-CT	Bài	VN	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phu kien COD	Bo	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cai	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cai	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cai	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cai	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cai	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform và Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi đo độ đục Xtay	Cai	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kính hiển vi soi nổi MeijiGM5Z	Cai	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kính hiển vi Peuc nổi máy ảnh KTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimadzu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kính hiển vi Olympus	Cai	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cai	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kính hiển vi phản cực 2 mat Meiji1	Cai	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kính hiển vi phản cực 2 mat Meiji9200	Cai	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy cưa cắt da	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên tố vi lượng	Cai	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lọc ray và sang tiêu chuẩn	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mai lát mỏng-mai láng	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Điều hòa Mitsubishi	Bo	DNA	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	21M034	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cai	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban lam viec	Cai	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vi tinh	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe dem mut	cai	VN	2003	8	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 canh	Cai	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút âm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On áp Lioa 2 KVA	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ổn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cai	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn hợp 2.4m	Cái	VN	2015	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do dia chat Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Dia ban	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Dia ban cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Dia ban dia chat	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	21C087-096	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gap Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính ky thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB định vị cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuoc day 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuoc đo diện tích	Cai	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ắc quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bô ray	B	TQ	1997	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C419	Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng đá FGB-9	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C418	Bút chì đo độ cứng FMH-5 (gồm 5 chiếc)	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Cán tiêu ly	Cai	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Cán tiêu ly	Cai	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cái	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cái	Balan	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cái	TQ	2007	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cái	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Mau trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On ap Lioa 5KVA	Cái	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuoc đo diện tích	Cái	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cái	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cái	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKONF60	Cái	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cái	TQ	2010	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 cánh	Cái	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bàn gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bo gia danh bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bo moto dien	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cái	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hop dung mau	Cái	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cuc	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cuc đa quy	Mau	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (tumua)	Cái	Đài Loan	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21C627	Máy in laser canon LBP 2900	Chiếc	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cái	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dung kinh hien vi	Cái	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	
37	BM Địa chất	95M114	Địa bàn 3 chân	Cái	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gap	Cái	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gap			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau đa các loại	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Ảnh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Bản đồ	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Bản đồ 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Bản đồ địa chất 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Bản đồ địa chất Bắc trung bộ	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Bản đồ địa chất Đông bắc	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Bản đồ địa chất Đông dương	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Bản đồ địa chất VN-Đông dương	To	VN	1997	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Bản đồ địa mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Bản đồ giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Bản đồ hình thể Việt nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bản đồ mặt kính chính chịu lực (Cán bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bản đồ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bản đồ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bo ảnh Atlas	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bo ảnh máy bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bo ảnh vệ tinh (246 cái)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bo mẫu địa chất	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Búa địa chất	Bộ	VN	2012	50	
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bàn	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Địa bàn Địa chất	Cái	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cái	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lập thể	Cái	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La bàn cơ thước đo diện tích	Cái	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mẫu địa tạng	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa bàn thí nghiệm Lang son	Cái	VN	1993	1	
38	BM Địa chất công trình	09C260	Bàn họp to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe đa TP (C Thang)	Cái	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gấp	Cái	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gấp	Cái	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	21C072-081	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tủ sắt cao 2m (C Thang)	cái	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tủ sắt kính	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tủ say 101-2	Cái	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tủ tài liệu sắt	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bàn họp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Bàn khung sắt mặt đá Granite	Cái	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Bàn nén	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Bàn TN khung sắt mặt đá	Cái	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo đệm do lun	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo lọc nước RO mô hình Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN cơ ngót mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xử giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tong mau	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Cán diện tu 400g	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cái	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khau nối neo	Cái	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuon be tong don	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuon be tong kep	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kích thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lo nung 4-10	Cái	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy đo PH cam tay	Cái	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cái	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cái	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA,107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ổn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiết bị Casagrancle	Cái	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiết bị day mau	Cái	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kỹ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sấy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cái	VN	1999	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cái	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cái	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cái	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cái	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cái	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cái	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cái	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cái	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã não	0	rung Qu	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C399	Điện cực HI3131B	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C398	Máy đo ORP Model: HI8014	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cái	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dia ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kinh hien vi phan cuc Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kinh hien vi phan cuc Leitz	Cai	Duc	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kinh hien vi thach hoc	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kinh hien vi thach hoc	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quạt treo tuong SANTAZ	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tu dung mau	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tu go				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tu go cao 2m	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tu go cao 2m	Cai	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Ban do dia chat khoang san VN	Cai	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tu sat dung mau	Cai	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quây gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Bien chi dan	Cai	VN	1994	100	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế da TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghe don go	Cai	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghe gap	Cai	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghe gap	Cai	VN	2009	8	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghe xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kinh hien vi soi noi M5C-10	Cai	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Mau co sinh	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Mau da va quang	Mau	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Mau dia chat co nhan	Mau	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Mau khoang san	Mau	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Mau khoang san	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Mau khoang san	Mau	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Mau khoang san co sinh	Mau	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Mau khoang san-khoang thach	Mau	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Mau khoang vat	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Mau khoang vat	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Mau thach hoc	Mau	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quat tran	Cai	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh co sinh	Buc	VN	1997	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh ve co sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cổ sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2022
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cươngCZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép,vicosimet,sang,thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kế ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương,saphire,moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	22M017	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	Malaysi a	2022	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban đo KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M076	Đèn tia cực tím UV bước sóng kép, loại LW 365m, SW 254m, mã FUV-4	Chiếc	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22M080	Máy chiếu Panasonic PT-LB386	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	21M045	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera va Màn hình	Cai		1999	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21M014	Thiết bị phân cực kế model FTP-49	Cái	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quảng	Cai	VN	2004	1	
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phần Lar	2018	2	
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37	BM Địa chất	22M042	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bai thuc tap Dia chat Q-ninh	Bai	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lap the phan quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xử thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cat canh hiện trường	Bo	Nauy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS.pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nền ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cat dat ung bien EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cat dat ung bien EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén betong 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bdct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cat canh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	21M035	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bai thuc tap Dia chat TV-CT	Bai	VN	2000	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phu kien COD	Bo	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cai	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cai	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cai	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cai	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cai	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform va Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi do do duc Xtay	Cai	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kinh hien vi soi noi MeijiGM5Z	Cai	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kinhhienvi Peuc noi may anhKTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimazdu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kinh hien vi Axiolapol	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kinh hien vi Olympus	Cai	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kinh hien vi phan cuc ML9100	Cai	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kinh hien vi phan cuc ML9100	Cai	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kinh hienviphancuc 2 matMeijil	Cai	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kinhhienviphancuc2matMeiji9200	Cai	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy của cat da	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên tố vi lượng	Cai	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lac ray va sang tieu chuan	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mai lat mong-mai lang	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Dieu hoa Mitshubishi	Bo	DNA	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	22M028	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	21M034	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	22M052	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cái	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban lam viec	Cai	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vi tinh	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe dem mut	cai	VN	2003	8	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 canh	Cai	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút âm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On ap Lioa 2 KVA	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ổn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cai	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	22C530	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn họp 2.4m	Cái	VN	2015	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do dia chat Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Dĩa ban	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Dĩa ban cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Dĩa ban đĩa chat	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	21C087-096	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gap Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính ky thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB dinh vi cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuoc day 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuoc do dien tích	Cai	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ắc quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bo ray	B	TQ	1997	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C419	Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng đá FGB-9	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C418	Bút chì đo độ cứng FMH-5 (gồm 5 chiếc)	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Can tiêu ly	Cái	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Can tiêu ly	Cái	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cái	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cái	Balan	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cái	TQ	2007	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cái	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C348	Màn hình Samsung LF27T370FWEXXV 27.0Inch 75Hz IPS (tràn viền 3 cạnh)	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Mau trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C349	Máy in laser Brother DCP-B7535DW	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On ap Lioa 5KVA	Cái	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuốc đo diện tích	Cái	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cái	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cái	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKONF60	Cái	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cái	TQ	2010	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 cánh	Cái	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bàn gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bo giá danh bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bo moto dien	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cái	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hop dung mau	Cái	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cuc	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cuc da quy	Mau	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (tumua)	Cái	Đài Loar	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21C627	Máy in laser canon LBP 2900	Chiếc	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cái	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dung kinh hien vi	Cái	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
37	BM Địa chất	22C503-504	Bàn làm việc 1,4m + học	Bộ	VN	2022	2	
37	BM Địa chất	95M114	Dĩa ban 3 chan	Cái	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	22C212	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2022	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gap	Cái	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gap			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau da cac loai	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Anh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Ban do	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Ban do 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Ban do dia chat 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Ban do dia chat Bac trung bo	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Ban do dia chat Dong bac	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Ban do dia chat Dong duong	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Ban do dia chat VN-Dong duong	To	VN	1997	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Ban do dia mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Ban do giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Ban do hinh the Viet nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bản gỗ mặt kính chính chịu lực (Can bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bản gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bản gỗ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bo anh Atlat	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bo anh may bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bo anh ve tinh (246 cai)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bo mau dia chat	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Búa địa chất	Bộ	VN	2012	50	
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bàn	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Dĩa ban Dĩa chat	Cái	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cái	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lap the	Cái	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La ban co thuoc do dien tích	Cái	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mau dia tang	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa ban thi xa Lang son	Cái	VN	1993	1	
38	BM Địa chất công trình	09C260	Ban hop to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe da TP (C Thang)	Cái	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gap	Cái	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gap	Cái	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	21C072-081	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tu sat cao 2met (C Thang)	cai	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tu sat dung tai lieu	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tu sat kinh	Cái	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tu say 101-2	Cái	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bản hợp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Ban khung sat mat da Granite	Cai	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Ban nen	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Ban TN khung sat mat da	Cai	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo dam do lun	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo loc nuoc RO mo hình Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN co ngot mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xđ giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tong mau	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Can dien tu 400g	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cai	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khau nối neo	Cai	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuon be tong don	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuon be tong kep	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kích thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lo nung 4-10	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy do PH cam tay	Cai	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cai	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cai	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA,107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ôn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiet bi Casagrancle	Cai	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiet bi day mau	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kỹ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sấy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cai	VN	1999	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cai	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cai	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cai	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cai	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã nã	0	Trung Quốc	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C399	Điện cực HI3131B	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C398	Máy đo ORP Model: HI8014	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dia ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2003	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kính hiển vi thạch học	Cái	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kính hiển vi thạch học	Cái	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On áp Lioa 3KVA	Cái	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quạt treo tường SANTAZ	Cái	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tủ đựng cao 2m	Cái	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tủ đựng cao 2m	Cái	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tủ đựng màu	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tủ gỗ				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tủ gỗ cao 2m	Cái	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tủ gỗ cao 2m	Cái	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Bản đồ địa chất khoáng sản VN	Cái	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Dung dịch điện thoại	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghế gấp	Cái	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tủ lạnh Sanyo SR-11AD	Cái	Nhat	2000	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tủ sắt đựng màu	Cái	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quầy gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Biển chỉ dẫn	Cái	VN	1994	100	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế da TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghế đơn gỗ	Cái	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghế gấp	Cái	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghế gấp	Cái	VN	2009	8	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghế xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kính hiển vi soi nổi M5C-10	Cái	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Màu cơ sinh	Màu	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Màu da và quang	Màu	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Màu địa chất cơ nhân	Màu	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Màu khoáng sản	Màu	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Màu khoáng sản	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Màu khoáng sản	Màu	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Màu khoáng sản cơ sinh	Màu	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Màu khoáng sản-khoáng thạch	Màu	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Màu khoáng vật	Màu	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Màu khoáng vật	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Màu thạch học	Màu	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quạt trần	Cái	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh cơ sinh	Buc	VN	1997	3	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh ve cò sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cò sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2023
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cươngCZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép,vicosimet,sang,thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kế ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương,saphire,moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	22M017	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	Malaysi a	2022	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban đo KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	23M216	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M076	Đèn tia cực tím UV bước sóng kép, loại LW 365m, SW 254m, mã FUV-4	Chiếc	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22M080	Máy chiếu Panasonic PT-LB386	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	23M217	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	21M045	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera va Màn hình	Cai		1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21M014	Thiết bị phân cực kế model FTP-49	Cái	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quảng	Cai	VN	2004	1	
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phan Lan	2018	2	
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37	BM Địa chất	22M042	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bài thực tập Địa chất Q-ninh	Bai	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lập thể phản quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xử thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cat canh hiện trường	Bo	Naury	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS,pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cán kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nén ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cat đất ung bien EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cat đất ung bien EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén bê tông 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bđct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cat canh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	23M214	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
39	BM Địa chất thủy văn	21M035	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bài thực tập Địa chất TV-CT	Bài	VN	2000	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phụ kiện COD	Bo	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cái	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cái	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cái	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cái	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cái	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	23M195	Máy quang đo Clo dư trong nước sạch và nước ngọt, xác định nồng độ từ 0,00 đến 5,00 mg/l (ppm) Cl2, hiệu chuẩn tự động, HI97701	Cái	Rumani	2023	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cái	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform và Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi đo độ đục Xtay	Cái	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kính hiển vi soi nổi MeijiGM5Z	Cái	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kính hiển vi Peuc nổi máy ảnh KTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimadzu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kính hiển vi Axiolapol	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kính hiển vi Olympus	Cái	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cái	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kính hiển vi phản cực ML9100	Cái	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kính hiển vi phản cực 2 mắt Meiji1	Cái	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kính hiển vi phản cực 2 mắt Meiji9200	Cái	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy cưa cắt da	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên tố vi lượng	Cái	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lọc ray và sàng tiêu chuẩn	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mài lát mỏng-mài láng	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Điều hòa Mitsubishi	Bo	DNA	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	23M027	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	22M028	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	21M034	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	22M052	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cai	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban lam viec	Cai	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vi tinh	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe dem mut	cai	VN	2003	8	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 canh	Cai	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút ẩm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On ap Lioa 2 KVA	Cai	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ôn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cai	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	22C530	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn họp 2.4m	Cái	VN	2015	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do dia chat Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Dĩa ban	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Dĩa ban cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Dĩa ban đĩa chat	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	21C087-096	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gap Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính ky thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB định vị cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuốc day 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuốc đo diện tích	Cái	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ắc quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bo ray	B	TQ	1997	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C419	Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng đá FGB-9	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C418	Bút chì đo độ cứng FMH-5 (gồm 5 chiếc)	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Cần tiêu ly	Cái	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Cần tiêu ly	Cái	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cái	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cái	Balan	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cái	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cái	TQ	2007	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cái	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C348	Màn hình Samsung LF27T370FWEXXV 27.0Inch 75Hz IPS (tràn viền 3 cạnh)	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Màu trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C349	Máy in laser Brother DCP-B7535DW	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On áp Lioa 5KVA	Cái	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuốc đo diện tích	Cái	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cái	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cái	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKON F60	Cái	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cái	TQ	2010	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 cánh	Cái	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bàn gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bo giá danh bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bo moto dien	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cái	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hop dung mau	Cái	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cuc	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cuc đa quy	Mau	VN	1993	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (tumua)	Cái	Đài Loan	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21C627	Máy in laser canon LBP 2900	Chiếc	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dụng kính hiển vi	Cai	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	
37	BM Địa chất	22C503-504	Bản làm việc 1,4m + học	Bộ	VN	2022	2	
37	BM Địa chất	95M114	Địa bàn 3 chạn	Cai	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	22C212	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2022	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gập	Cai	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gập			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau da cac loai	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Anh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Bản đồ	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Bản đồ 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Bản đồ địa chất 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Bản đồ địa chất Bắc trung bộ	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Bản đồ địa chất Đông bắc	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Bản đồ địa chất Đông dương	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Bản đồ địa chất VN-Đông dương	To	VN	1997	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Bản đồ địa mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Bản đồ giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Bản đồ hình thể Việt nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bản đồ mặt kính chính chịu lực (Cán bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bản đồ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bản đồ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bản đồ Anh Atlas	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bản đồ Anh máy bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bản đồ Anh vệ tinh (246 cái)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bản đồ mao địa chất	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Bản đồ địa chất	Bộ	VN	2012	50	
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bàn	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Địa bàn Địa chất	Cai	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cai	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lập thể	Cai	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La bàn cơ thước đo diện tích	Cai	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mau địa tạng	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa bàn thí nghiệm Lang son	Cai	VN	1993	1	
38	BM Địa chất công trình	09C260	Bản đồ họp to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe đa TP (C Thang)	Cai	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gập	Cai	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gập	Cai	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	21C072-081	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	23C310	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tu sat cao 2met (C Thang)	cai	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tu sat dung tai lieu	Cai	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tu say 101-2	Cai	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bàn hợp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Ban khung sat mat da Granite	Cai	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Ban nen	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Ban TN khung sat mat da	Cai	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo dam do lun	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo loc nuoc RO mo hinh Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C296-297	Bộ thăm đất Nam Kinh TST-55	Bộ	TQ	2023	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C298	Bộ thí nghiệm vaxiliep	Bộ	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN co ngot mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xđ giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tong mau	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Can dien tu 400g	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cai	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C300	Đồng hồ áp suất điện tử dùng cho thiết bị ba trục, phạm vi đo 0-1000 kN/m ² (0-10Bar)	Cái	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C299	Đồng hồ so điện tử (độ phân giải 0.001mm, phạm vi đo 0-50 mm), dùng cho thiết bị nén tĩnh nền	Cái	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khau nối neo	Cai	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuon be tong don	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuon be tong kep	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kích thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lo nung 4-10	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy đo PH cam tay	Cai	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cai	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cai	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA, 107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ôn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiết bị Casagrancle	Cai	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiết bị day mau	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kỹ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sậy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cai	VN	1999	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cai	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cai	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cai	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cai	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã nã	0	Trung Quốc	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C399	Điện cực HI3131B	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C398	Máy đo ORP Model: HI8014	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dia ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kinh hien vi phan cuc Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kinh hien vi phan cuc Leitz	Cai	Duc	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kinh hien vi thach hoc	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kinh hien vi thach hoc	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quat treo tuong SANTAZ	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tu dung mau	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tu go				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tu go cao 2m	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tu go cao 2m	Cai	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Ban do dia chat khoang san VN	Cai	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	23C007	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tu sat dung mau	Cai	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quây gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Bien chi dan	Cai	VN	1994	100	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế đa TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghe don go	Cai	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghe gap	Cai	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghe gap	Cai	VN	2009	8	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghe xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kính hiển vi soi nổi M5C-10	Cai	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Mau cơ sinh	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Mau da va quang	Mau	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Mau địa chất cơ nhân	Mau	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Mau khoáng sản	Mau	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Mau khoáng sản	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Mau khoáng sản	Mau	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Mau khoáng sản cơ sinh	Mau	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Mau khoáng sản-khoáng thạch	Mau	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Mau khoáng vật	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Mau khoáng vật	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Mau thạch học	Mau	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quạt trần	Cai	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh cơ sinh	Buc	VN	1997	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh vẽ cơ sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cổ sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2024
KHOA: KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	10M011	Kính hiển vi phân cực A1ApolCarlZei	Bo	Duc	2010	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	13M108	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M018	Bộ chuẩn mau kim cươngCZ10Elin	Bo	My	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA011	Bộ chuẩn về đá quý 20 mau	Bo	VN	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M022	Bộ thử thép,vicosimet,sang,thuoc	Bo	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M023	Cân kỹ thuật BJ610C-Precisa	Cai	Dailoan	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M024	Cân kỹ thuật điện tử XB220A	Cai	Thuy sy	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M136	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M016	Khúc sặc kê ER6010 Kruss	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M014	Kính hiển vi ngọc học KSW5800	Bo	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M013	Lò đốt nhiệt độ cao LHT 04/18	Cai	Duc	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M020	Lò nung SRJX-4-13	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M021	Lò nung UAF14/5-Lenton	Cai	Anh	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M025	Máy nghiền đĩa	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA010	Máy nghiền mẫu MM200	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA009	Máy phân tích huỳnh quang Ronghen	Cai	Duc	2011	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M017	Máy soi mau kim cương Colibri	Cai	Israel	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M375	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M012	TB pti vàng bằng pp huynhquang	Cai	TQ	2010	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M015	TB thử kim cương,saphire,moisan	Bo	Duc	2010	1	
140	BM Địa chất	13M308	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	01M259	Bo tai lieu thuc tap DCTD	Bo	VN	2001	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	22M017	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	Malaysi a	2022	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	13M105	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	11DA071-072	Máy định vị GPS Map 78 Garmin	Cai	Dailoan	2011	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M246	Máy đo diện tích ban đo KP90N	cai	Nhat	2002	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	23M216	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15M179-180	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19M109a	Bộ lưu điện UPS Santak C2KS (LCD)	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M247	Cân điện tử 600g Shinhko	cai	Nhat	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M076	Đèn tia cực tím UV bước sóng kép, loại LW 365m, SW 254m, mã FUV-4	Chiếc	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M119-120	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA069-070	Kính hiển vi soi kem CameraKTS	Bo	Nhat	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22M080	Máy chiếu Panasonic PT-LB386	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M242	Máy lắc sàng 15-D403 Controls	cai	Italy	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	23M217	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M245	Tủ sấy mẫu ED115 Binder	cai	Duc	2002	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M039	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thai lan	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	08M102	Kính Hvi Pcuc 3matMeijeiML9430	Bo	Nhat	2008	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	13M109	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	21M045	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	15M018	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M134	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M185	Hệ thống TV Camera va Màn hình	Cai		1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97M192	Kính hiển vi Axiolapol	Cai	Duc	1997	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	08M101	Kính hiển vi phân cực 2matMeijeiML9420	Cai	Nhat	2008	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M086	Kính hiển vi soi nổi Olympus	Cai	Nhat	1995	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M181	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21M014	Thiết bị phân cực kế model FTP-49	Cái	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	36BS002	Tủ đựng mẫu quảng	Cai	VN	2004	1	
37	BM Địa chất	06DA356	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
37	BM Địa chất	18M086-087	La bàn địa chất suunto MC-2	chiếc	Phần Lar	2018	2	
37	BM Địa chất	24M058	Máy tính đồng bộ MCC-P10482D78M22 + Màn hình: MCC 21.5" LED Full HD 2215HV	Bộ	VN	2024	1	
37	BM Địa chất	18M085	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
37	BM Địa chất	22M042	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
37.1	PTN Địa chất học	00M334	Bai thuc tap Dia chat Q-ninh	Bai	VN	2000	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M163	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	15M176	Giá gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	95M113	Kính lap the phan quang Topcon	Cai	Nhat	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	10M127-131	Máy GPS cầm tay	Cai	TQ	2010	5	
37.1	PTN Địa chất học	16M236	Tủ gỗ lớn	Cái	VN	2016	1	
38	BM Địa chất công trình	11DA083	Bộ xđ thành phần hạt =pp TTKe 9 dmuc	Bo	Italy	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	13M106	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	14M108	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	08M374	Máy vi tính Dell	Bo	TQ	2008	1	
38	BM Địa chất công trình	TT005	Tivi Xiaomi EA65	Bộ	TQ	2024	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA094	Bộ dụng cụ cat canh hiện trường	Bo	Nauy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA089	Buong co ket lien tuc CRS,pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M067	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Bộ	Nhật	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M024-025	Điều hòa 2 cục Funiki 24000BTU	Bo	VN	2011	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99M192	Điều hòa 2 cục National-Bkhoa	Cai	Nhat	1999	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA034	Hệ thống thí nghiệm 3 trục đất (6danhmuc)	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA035	HT thí nghiệm nền ngang DMT	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH08	HThong thủy lực FPT	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	02M045	Máy cat dat ung bien EDJ-1	bo	TQ	2002	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M141	Máy cat dat ung bien EDJ-1	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA088	Máy cắt phangxdkhanangkhangcat	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA087	Máy đầm Proctor/CBR tự động	Cai	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH11	Máy đầm rung T644/KK	Cai	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16M237	Máy nén bê tông 50 tấn loại cơ	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	05M131	Máy nén tam nien WG	Cai	TQ	2005	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	04M142	Máy nén tam nien WG-1B	Cai	TQ	2004	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	13M033	Máy tính đồng bộ HP Pro G645	Bộ	ĐNA	2013	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M058	Máy vi tính DELLVostro	Bo	DNA	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA084	Máy xuyên con TC trong PTN 5dm	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH15	TB khoan địa chất XY-1	Bo	TQ	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA090	TB nén đa năng và pk	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH14	TB nén ngang trong lỗ khoan	Bo	Phap	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA093	TB quan trắc dịch chuyển bdct	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH13	TB siêu âm cọc khoan nhồi CLS	Bo	My	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA092	TB thử biến dạng PITFV8dmuc	Bo	My	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH01	TB xuyên tĩnh +Máy tính XTay	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH12	TBi K/tra CBR hiện trường T640	Bo	Y	2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH04-07	TBi lấy mẫu mang mong AIMIL	Bo	An do	2006	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH03	TBi van cat canh H/truong FFL	Bo	Ha lan	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH09	TBi xuyên động TP211	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH10	TBi xuyên tiêu chuẩn TP241	Bo	Y	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06DADH02	TBi xuyên tĩnh 25KNMB	Bo	Indonesi	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA091	Thiết bị thí nghiệm cơ lý đá, 19dmuc	Bo	Italy	2011	1	
39	BM Địa chất thủy văn	13M306	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
39	BM Địa chất thủy văn	23M214	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
39	BM Địa chất thủy văn	21M035	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
39	BM Địa chất thủy văn	18M080	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	00M319	Bai thuc tap Dia chat TV-CT	Bai	VN	2000	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH25-26	Bộ lấy mẫu nước Seba	Bo	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M191	Bộ phân tích tổng ECOLIMEL/PMN	Bo	My	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M188	Bộ xác định BODva phu kien COD	Bo	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	03M110	Điều hòa 2 cục Hitachi	Cai	Nhat	2003	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA011	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	dv208	Anh	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH18-19	Máy định vị vệ tinh cầm tay	Bo	Phap	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M189	Máy đo bụi LD-1(L)	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M187	Máy đo chỉ số địa hóa	Cai	Duc	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH29	Máy đo điện trường WADI	Cai	Canada	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	18M058	Máy đo DO HI8043 cầm tay	Cái	VN	2018	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	17M138	Máy đo pH cầm tay Model HI8424	Cái	Italia	2017	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH28	Máy đo Radon	Cai	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	16M203	Máy đo tổng chất rắn hòa tan TDS	Cái	ĐNA	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	23M195	Máy quang đo Clo dư trong nước sạch và nước ngọt, xác định nồng độ từ 0,00 đến 5,00 mg/l (ppm) Cl2, hiệu chuẩn tự động, HI97701	Cái	Rumani	2023	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	24M059	Máy tính đồng bộ MCC-P10482D78M22 + Màn hình: MCC 21.5" LED Full HD 2215HV	Bộ	VN	2024	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH34	TB đo độ ẩm đất Trime FM3	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH21-22	TB đo mực nước chính xác 6541 M/C	Bo	Uc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH33	TB đo mực nước dòng chảy	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH32	TB đo mực nước nhiệt độ KLL-T	Bo	Duc	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH23-24	TB đo mực nước tiếp xúc KLL	Cai	Duc	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH35	TB đo tổng Coliform va Ecoli	Bo	My	2006	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH30	TBi đo do duc Xtay	Cai	Duc	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	06DA061	Kính hien vi soi noi MeijiGM5Z	Cai	Nhat	2006	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09DA035	Kinhhienvi Pcuc noi may anhKTS	Bo	Nhat	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	13M104	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	17M125	Bộ kit đo tỷ trọng SML-152 dùng cho cân UX-620H	Bộ	Nhật bản	2017	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	18M060	Cân tỷ trọng model UX-620H - Shimazdu	Cái	NB	2018	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	15M121	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M098	Kính hien vi Axiolapol	Cai	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	24M152-155	Kính hiển vi NGI-6	Cái	TQ	2024	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	93M064	Kính hien vi Olympus	Cai	Nhat	1993	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	04M056	Kính hien vi phan cuc ML9100	Cai	Nhat	2004	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	05M115	Kính hien vi phan cuc ML9100	Cai	Nhat	2005	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	06DA057-060	Kính hienviphancuc 2 matMeiji1	Cai	Nhat	2006	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	09DA033-034	Kinhhienviphancuc2matMeiji9200	Cai	Nhat	2009	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M099	Máy chụp ảnh MC-80DX	Cai	Duc	1998	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40.1	PTN Khoáng thạch	98M104	Máy của cat da	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	96M200	Máy đo nguyên to vi lương	Cái	Ytali	1996	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	13M203	Máy đo tiêu nước thải WQ510 Extech	Bộ	Mỹ	2013	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	97M195	Máy lac ray va sang tieu chuan	Bo	Itali	1997	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	24M156	Máy mài giác đá quý ARTIFACT MAKERS 01	Cái	VN	2024	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M103	Máy mai lat mong-mai lang	Cái	Duc	1998	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	98M100	Tivi-Camera truyền hình	Bo	Nhat	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	10DA174	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000	Bo	Malaixia	2010	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08M049	Dieu hoa Mitshubishi	Bo	DNA	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	19M045	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Cái	ĐNA	2019	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	23M027	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M137	Máy chiếu đa năng Optoma S313	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	24M087	Máy quét HP Scanjet enterprime Flow 7000 S3 Scanner 1YWTY_L2757A	Chiếc	TQ	2024	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	22M028	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	21M034	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	17M042	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281	Chú giải mẫu và hệ thống đèn	Bo	VN	2001	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	13M004	Điều hòa Funiki 2 cục 2 chiều 24.000BTU	Cái	VN	2013	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M109	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M213	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	22M052	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	01M281G	Tủ kính trưng bày mẫu	Cái	VN	2001	2	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C170	Ban hop 2,4m	Cái	VN	2008	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013	Ban lam viec	Cái	VN	2005	3	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013A	Ban vi tinh	Cái	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	03G076	Ghe dem mut	cai	VN	2003	8	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	08C171-176	Ghe gap	Cái	VN	2008	6	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020B	Ghe xoay	Cái	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M130	Máy in Laser HP1160	Cái	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	06C057	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cái	DNA	2006	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05M129	Máy vi tính P4	Bo	DNA	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	BDA81-001	Tu sat 2 canh	Cái	VN		1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	12C674	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013E	Tu sat 2m	Cái	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G020	Tu sat 6 ngan	Cái	VN	2005	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	11C224	Tu sat 8 ngan	Cái	VN	2011	1	
114	BM Tìm kiếm thăm dò	05G013D	Tu sat kinh	Cái	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C309-310	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M195	Điều hòa 1 cục National	Cái	Nhat	1999	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C311-316	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15M137	Máy hút ẩm Nagakawa 16L	Cái	LD	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05C045	On áp Lioa 2 KVA	Cái	VN	2005	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C371	Ôn áp lioa 3KVA	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C317	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	1	
114.1	PTN TKTD và PT trọng sa	10M019	Tu say 1011-1N	Cái	TQ	2010	1	
140	BM Địa chất	12C001-010	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
140	BM Địa chất	12C025	Ghế xoay	Cái	VN	2012	1	
140	BM Địa chất	22C530	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
140	BM Địa chất	12C021	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
140.1	PTN Địa chất học	15C320	Bàn hợp 2.4m	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
140.1	PTN Địa chất học	15C321-328	Ghế gấp	Cái	VN	2015	8	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	93C51	Ban do địa chất Dong duong	Cai	VN	1993	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	15C897	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	06C071-075	Địa bàn	Cai	TQ	2006	5	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	95C09-12	Địa bàn cam tay	Cai	Nga	1995	4	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4542A	Địa bàn địa chất	Cai	Duc	1979	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	21C087-096	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G049A	Ghe quay mut	Cai	VN	2002	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02G052A	Ghe tua gáp Xuan hoa	Cai	VN	2002	15	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	97C062	Máy tính ky thuật	Cai	Nhat	1997	3	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	08M159	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	02M238-239	TB định vị cam tay GPS GARMIN	cai	DaiLoan	2002	2	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	92C55	Thuốc dây 30 m	Met	TQ	1992	1	
35	BM Tìm kiếm thăm dò	4303	Thuốc đo diện tích	Cai	Hung	1966	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C394-397	Ắc quy Ecotek 12V-40AH	Cái	TQ	2019	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C399-404	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C517-523	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2015	7	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	97C064	Bộ ray	B	TQ	1997	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C419	Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng đá FGB-9	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20C418	Bút chì đo độ cứng FMH-5 (gồm 5 chiếc)	bộ	TQ	2020	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5148	Cán tiêu ly	Cai	TQ	1976	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	5191-5192	Cán tiêu ly	Cai	TQ	1977	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	4905A1	Coi sang kính	B	VN	1991	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17C316-321	Địa bàn địa chất DQL-2A	Cái	TQ	2017	6	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C417-426	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C495-514	Ghế gấp	Cái	VN	2015	20	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C444-447	Giá sắt	Cái	VN	2015	4	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C529-531	Giá sắt HP	Cái	VN	2015	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	06M005	Kính hiển vi đơn cực	Cai	An do	2006	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M271	Kính hiển vi soi nổi Balan	Cai	Balan	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M044	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	95M045	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1995	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M139	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	98M140	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	Nga	1998	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00M270	Kính hiển vi soi nổi MBC-10	Cai	LX	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	07M186	Kính hiển vi soi nổi Meiji	Cai	TQ	2007	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	05M132	Kính hiển vi soi nổi XTJ302571	Cai	TQ	2005	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C348	Màn hình Samsung LF27T370FWEXXV 27.0Inch 75Hz IPS (tràn viền 3 cạnh)	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C58	Màu trong sa	Hop	VN	1992	3	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	22C349	Máy in laser Brother DCP-B7535DW	Chiếc	TQ	2022	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	11DA073-074	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	2	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02M248	On áp Lioa 5KVA	Cai	VN	2002	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	99M135	Thuốc đo diện tích	Cai	Duc	1999	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	19C393	Tủ nguồn cho bộ lưu điện DCX-A03	Cái	TQ	2019	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	00G021	Tu sat 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
35.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C526-527	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	11C057-058	Ghe xoay	Cai	VN	2011	2	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	00M261	Máy ảnh chuyên nghiệp NIKON F60	Cai	Nhat	2000	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	16M039	Máy in đa năng Canon MF221D	Cái	ĐNA	2016	1	
36	BM Tìm kiếm thăm dò	10C451	Máy in laser Canon	Cai	TQ	2010	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
36	BM Tìm kiếm thăm dò	09C323	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C576-583	Bản gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	8	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C045	Bo gia danh bong mau	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	02C046	Bo moto dien	bo	VN	2002	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	96M021	Điều hòa 1 cục National	Cai	Nhat	1996	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C584-599	Ghế gỗ thí nghiệm	Cái	VN	2015	16	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	13C686-895	Ghế tựa gỗ	Cái	VN	2013	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C634	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C2	Hop dung mau	Cai	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C11	Mau cuc	Mau	VN	1993	22	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	93C9	Mau cuc da quy	Mau	VN	1993	10	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	17M137	Máy định vị vệ tinh GPS Model eTrex 20X, Garmin - Mỹ (tumua)	Cái	Đài Loan	2017	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	21C627	Máy in laser canon LBP 2900	Chiếc	TQ	2021	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	20M231	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	92C64	Tu dung kinh hien vi	Cai	VN	1992	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C443	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
36.1	PTN TKTD và PT trọng sa	15C451	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2015	1	
37	BM Địa chất	22C503-504	Bản làm việc 1,4m + học	Bộ	VN	2022	2	
37	BM Địa chất	95M114	Dia ban 3 chan	Cai	TQ	1995	1	
37	BM Địa chất	22C212	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysi	2022	1	
37	BM Địa chất	09C119-133	Ghe gap	Cai	VN	2009	15	
37	BM Địa chất	10C679-683	Ghe gap			2010	5	
37	BM Địa chất	92C45	Mau da cac loai	Mau	VN	1992	250	
37	BM Địa chất	18M079	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
37.1	PTN Địa chất học	92C69	Anh Lalsat 1/500000	To	VN	1992	20	
37.1	PTN Địa chất học	1973B9	Ban do	To	VN	1991	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C46	Ban do 1/50000 UTM	To	VN	1992	575	
37.1	PTN Địa chất học	92C52	Ban do dia chat 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C038	Ban do dia chat Bac trung bo	To	VN	1997	14	
37.1	PTN Địa chất học	97C037	Ban do dia chat Dong bac	To	VN	1997	13	
37.1	PTN Địa chất học	95C05	Ban do dia chat Dong duong	To	VN	1995	1	
37.1	PTN Địa chất học	97C039	Ban do dia chat VN-Dong duong	To	VN	1997	2	
37.1	PTN Địa chất học	92C65	Ban do dia mao 1/500000	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C06	Ban do giao khoa	To	Nga	1995	50	
37.1	PTN Địa chất học	92C67	Ban do hinh the Viet nam	To	VN	1992	1	
37.1	PTN Địa chất học	13C937-938	Bản gỗ mặt kính chính chịu lực (Can bản đồ)	Cái	VN	2013	2	
37.1	PTN Địa chất học	15C856	Bản gỗ PTN	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	16C997-1011	Bản gỗ thí nghiệm chân sắt	Cái	VN	2016	5	
37.1	PTN Địa chất học	95C55	Bo anh Atlat	To	VN	1995	5	
37.1	PTN Địa chất học	97C013	Bo anh may bay	To	VN	1997	1	
37.1	PTN Địa chất học	94C32	Bo anh ve tinh (246 cai)	Bo	VN	1994	1	
37.1	PTN Địa chất học	95C56	Bo mau dia chat	Mau	VN	1995	200	
37.1	PTN Địa chất học	12C397-446	Búa địa chất	Bộ	VN	2012	50	
37.1	PTN Địa chất học	12C447-461	Địa bản	Bộ	VN	2012	15	
37.1	PTN Địa chất học	04C154-163	Dia ban Dia chat	Cai	TQ	2004	10	
37.1	PTN Địa chất học	17C376-381	Ghế băng 2200x240x450	Cái	VN	2017	6	
37.1	PTN Địa chất học	15C789	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
37.1	PTN Địa chất học	04G035	Giá đựng mẫu	Cai	VN	2004	1	
37.1	PTN Địa chất học	04M138-139A	Kính lap the	Cai	Nga	2004	2	
37.1	PTN Địa chất học	98C085-094	La ban co thuoc do dien tích	Cai	TQ	1998	10	
37.1	PTN Địa chất học	92C30	Mau dia tang	Mau	VN	1992	71	
37.1	PTN Địa chất học	93M066	Sa ban thi xa Lang son	Cai	VN	1993	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38	BM Địa chất công trình	09C260	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
38	BM Địa chất công trình	11C320	Ghe đa TP (C Thang)	Cai	VN	2011	1	
38	BM Địa chất công trình	08C774-778	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
38	BM Địa chất công trình	09C134-138	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	
38	BM Địa chất công trình	14C910-924	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
38	BM Địa chất công trình	21C072-081	Ghế gấp	Chiếc	VN	2021	10	
38	BM Địa chất công trình	13M120	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
38	BM Địa chất công trình	23C310	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
38	BM Địa chất công trình	12C040	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C870	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	12C583	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
38	BM Địa chất công trình	14C873	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	1	
38	BM Địa chất công trình	03G053	Tu sat cao 2met (C Thang)	cai	VN	2003	2	
38	BM Địa chất công trình	04G030	Tu sat dung tai lieu	Cai	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	04G39A	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
38	BM Địa chất công trình	03M319	Tu say 101-2	Cai	TQ	2003	1	
38	BM Địa chất công trình	07G137	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C666	Bàn hợp 2,4 m	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C784	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C040-044	Ban khung sat mat da Granite	Cai	VN	2011	5	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C114	Ban nen	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11M006-008	Ban TN khung sat mat da	Cai	VN	2011	3	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C119	Bo dam do lun	Bo	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C135	Bo loc nuoc RO mo hình Sumo	Bo	VN	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C296-297	Bộ thăm đất Nam Kinh TST-55	Bộ	TQ	2023	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C298	Bộ thí nghiệm vaxiliep	Bộ	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA086	Bộ TN co ngot mẫu đất CONTROLS	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11DA085	Bộ TN xđ giới hạn chảy pp Casagr	Bo	Italy	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C063	Bo tong mau	Bo	VN	2006	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12M066	Cân điện tử	Chiếc	Mỹ	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C281	Can dien tu 400g	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	16C1015	Cân điện tử 5kg	Cái	TQ	2016	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C112-113	Dam chu I	Cai	VN	2007	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C300	Đồng hồ áp suất điện tử dùng cho thiết bị ba trục, phạm vi đo 0-1000 kN/m2 (0-10Bar)	Cái	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	23C299	Đồng hồ so điện tử (độ phân giải 0.001mm, phạm vi đo 0-50 mm), dùng cho thiết bị nền tĩnh nền	Cái	TQ	2023	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C473-474	Dụng cụ thí nghiệm chảy (phương pháp chùy vaxiliep, góc cone 300, nặng 76g)	bộ		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C684-693	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C841-855	Ghế gấp	Cái	VN	2015	15	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C115-118	Khau nối neo	Cai	VN	2007	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C276	Khuon be tong don	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C275	Khuon be tong kep	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17C389	Kích thủy lực MH30V	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C372	Lo nung 4-10	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	10C981	Máy đo PH cam tay	Cai	Rumani	2010	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	11C187	Máy in Canon LBP3300	Cai	TQ	2011	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	00M295	Máy in Laser HP 1100	Cai	DNA	2000	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	01M127	Máy vi tính ISA, 107SVMo1711	Bo	DNA	2001	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15M077	Ôn áp Lioa 5kVA	Cái	ĐNA	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C678-681	Quạt trần Vinawind	Cái	VN	2015	4	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C061-062	Thiet bi Casagrancle	Cai	VN	2006	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	09C373	Thiet bi day mau	Cai	TQ	2009	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C278	Thung do the tích cua cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G277	Thung do the tích xop cua da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C280	Thung rua mau cat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07C279	Thung rua mau da	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C465-466	Thước kẹp kỹ thuật L=200mm - TQ	Chiếc		2012	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	17M164	Tủ sấy T25.004 300C, 136 lít	Chiếc	TQ	2017	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	99G021	Tu ho so sat	Cai	VN	1999	2	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C493	Tủ kính HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	12C490	Tủ sắt 2 cánh HP	Cái	VN	2012	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	15C783	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	4717	Tu say SU-32	Cai	Ba Lan	1973	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	07G016	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	08C572	Ty trong ke loai B	Cai	My	2008	1	
38.1	PTN Địa kỹ thuật công trình	06C064-065	Vica xi mang	Bo	VN	2006	2	
39	BM Địa chất thủy văn	02G052	Ban lam viec, ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G037	Ban vi tinh	cai	VN	2001	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C213	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C896	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
39	BM Địa chất thủy văn	01G004	Ghe dem mut	Cai	VN	2003	15	
39	BM Địa chất thủy văn	10C525-534	Ghe gap			2010	10	
39	BM Địa chất thủy văn	20G053	Ghe tua dem mut	Cai	VN	2000	20	
39	BM Địa chất thủy văn	18M081	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
39	BM Địa chất thủy văn	15C856-857	Quạt cây	Cái	VN	2016	1	
39	BM Địa chất thủy văn	08C811	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
39	BM Địa chất thủy văn	04G039	Tu sat kinh	Cai	VN	2004	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G017	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G138	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39	BM Địa chất thủy văn	07G146	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C397	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	04C165-168	Bo do nuoc thi nghiem	Bo	VN	2004	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15DA057	Cốc chày mã nã	0	rung Qu	2016	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C399	Điện cực HI3131B	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C532-551	Ghế Inox	Cái	VN	2015	20	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C410	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C305-308	Giá 5 tầng	Cái	VN	2015	4	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	20C398	Máy đo ORP Model: HI8014	cái	Romania	2020	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	24C317	Máy in HP LaserJet M211d Printer 1Y WTY-9YF82A	Chiếc	VN	2024	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	99M190	Máy lấy mẫu khí Kmoto HS-7	Cai	Nhat	1999	1	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	06DADH16-17	TB đo khoảng cách bằng Laser	Bo	My	2006	2	
39.1	PTN Địa chất thủy văn	15C440-442	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	01G021	Ban hop lon bau duc	cai	VN	2001	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	09C261	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G051	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C695-696	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G053	Ban vi tinh	Cai	VN	2002	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	07G134	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C210-211	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C499	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	99C016	Bo ban do Dia chat	Bo	VN	1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5431	Chen platin	Cai	Nga	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5564	Coi chay ma nao	Cai	TQ	1987	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	5441	Day platin	Gam	Nga	1971	494	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C573-577	Dia ban	Cai	TQ	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	08C713-717	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	11C059-062	Ghe gap	Cai	VN	2011	4	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03G064	Ghe Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	30	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	03M142	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	12C055-056	Quạt treo tường	Cái	VN	2012	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	94M013	Tu kinh	Cai	VN	1994	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	02G017	Tu kinh cao 2m	Cai	VN	2003	2	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G020	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40	BM Khoáng thạch và Địa hóa	00G022A	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	14M133-134	Bàn gỗ đặt mẫu đá KT2400x800x750	Bộ	VN	2014	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G068	Ban go lam viec	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Ban go thi nghiem	cai	VN	2003	4	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1032-1037	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2016	6	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C777-778	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	09C139-148	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	16C1038-1061	Ghế gấp	Cái	VN	2016	24	
40.1	PTN Khoáng thạch	08C647	Gia de mau bang go	Cai	VN	2008	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	99G053	Gia dung mau	Cai	VN	1999	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	01G038	Gia go de may	cai	VN	2001	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94C5	Hop mau da	Cai	VN	1994	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C400-401	Hộp thử độ cứng	Bộ	Mỹ	2019	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Khay dung mau	cai	VN	2003	10	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C619, 624-637	Khay gỗ đựng mẫu	Cái	VN	2015	15	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C399	Khúc xạ kế	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	40BS001-003	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2002	3	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M019	Kính hiển vi phản cực Leitz	Cai	Duc	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M175	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95M176	Kính hiển vi thạch học	Cai	TQ	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03M143	On ap Lioa 3KVA	Cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	12C068-069	Quạt trần	Cái	VN	2012	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	00M177	Quạt treo tuong SANTAZ	Cai	VN	2000	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	19C398	Thiết bị đo quang phổ GI-PS01	Chiếc	Mỹ	2019	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G009	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	94G037	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	03G064	Tu dung mau	cai	VN	2003	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	53BS001	Tu go				1	
40.1	PTN Khoáng thạch	95G052	Tu go cao 2m	Cai	VN	1995	1	
40.1	PTN Khoáng thạch	02G017A-017B	Tu go cao 2m	Cai	VN	2002	2	
40.1	PTN Khoáng thạch	15C779-780	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	2	
43	VPK KH và KT Địa chất	05C078	Bản đồ địa chất khoáng sản VN	Cai	VN	2005	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15M132	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	98M030	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	15C039	Ghế băng 5 chỗ	Cái	VN	2015	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G006-016A	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
43	VPK KH và KT Địa chất	16C080	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	13M113	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	14M026	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	23C007	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	00M309	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
43	VPK KH và KT Địa chất	08C460	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	08C473	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
43	VPK KH và KT Địa chất	07G010-011A	Tu sat dung mau	Cai	VN	2007	2	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1270	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15C304	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1271	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14M166	Bàn quây gỗ 2000x450x1100	Chiếc	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C40	Bien chi dan	Cai	VN	1994	100	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	17M093	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	Bộ	ĐNA	2017	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1255	Ghế da TP	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS058	Ghe don go	Cai	VN		4	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	08C818-826	Ghe gap	Cai	VN	2008	9	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	09C151-158	Ghe gap	Cai	VN	2009	8	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C1245-1254	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS061	Ghe xoay		VN		1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	14C953	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	04C041	Kinh hien vi soi noi M5C-10	Cai	Nga	2004	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C053	Mau co sinh	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C29	Mau da va quang	Mau	VN	1992	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C130A	Mau dia chat co nhan	Mau	VN	1998	200	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	92C27	Mau khoang san	Mau	VN	1992	20	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	93C38	Mau khoang san	B	VN	1993	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C054	Mau khoang san	Mau	VN	1997	30	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C127	Mau khoang san co sinh	Mau	VN	1998	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C39	Mau khoang san-khoang thach	Mau	VN	1994	60	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C052	Mau khoang vat	Mau	VN	1997	50	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	99C062	Mau khoang vat	Bo		1999	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	94C37	Mau thach hoc	Mau	VN	1994	150	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M157	Máy hút bụi tự động Hitachi CV	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	15M140	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS060	Quat tran	Cai	VN		3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	97C055	Tranh co sinh	Buc	VN	1997	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	98C129	Tranh ve co sinh	Buc	VN	1998	3	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	96M203	Tranh vẽ cổ sinh	Bo	VN	1996	1	
44	Phòng Bảo tàng Địa chất	44BS059	Tu trung bay mau	Cai	VN		11	